

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc phê duyệt danh mục kỹ thuật đối với Phòng khám Răng Hàm Mặt Tuyến Quyền

#### GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ Y tế ban hành Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 13/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh Ninh Bình Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ Quyết định 2066/QĐ-SYT ngày 21/4/2026 của Giám đốc Sở Y tế Ninh Bình về việc kiện toàn Đoàn thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh Giấy phép hoạt động tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Khám, chữa bệnh, Sở Y tế.

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt 72 danh mục kỹ thuật thực hiện tại Phòng khám Răng Hàm Mặt Tuyến Quyền, địa chỉ: Xóm Cầu Đôi, xã Hải Hưng, tỉnh Ninh Bình, số Giấy phép hoạt động: 982/NB-GPHĐ do Sở Y tế tỉnh Ninh Bình cấp ngày 29/6/2026.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký, ban hành. Phòng khám Răng Hàm Mặt Tuyến Quyền phải thực hiện đúng phạm vi hoạt động chuyên môn, danh mục kỹ thuật được Sở Y tế Ninh Bình phê duyệt và theo đúng quy định của pháp luật có liên quan về hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

**Điều 3.** Trưởng Phòng Quản lý Khám, chữa bệnh, Trưởng các phòng chức năng Sở Y tế, Phòng khám Răng Hàm Mặt Tuyến Quyền và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Giám đốc Sở Y tế (báo cáo);
- UBND xã Hải Hưng;
- PKRHM Tuyến Quyền;
- Trang thông tin điện tử Sở Y tế;
- Lưu: VT, QLKCB.

(Th).

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Phan Anh Phong**

**PHỤ LỤC. DANH MỤC KỸ THUẬT PHÊ DUYỆT THỰC HIỆN  
TẠI PHÒNG KHÁM RĂNG HÀM MẶT TUYẾN QUYÊN**

*(Đính kèm Quyết định số /QĐ-SYT ngày tháng 7 năm 2026 của Sở Y tế)*

| <b>TT</b> | <b>Mã kỹ thuật theo thông tư 23/2024/TT-BYT</b> | <b>Tên chương</b> | <b>Tên kỹ thuật</b>                                     |
|-----------|---|-------------------|---|
| 1         | 16.41   | 16. RĂNG HÀM MẶT  | Điều trị viêm quanh răng                                |
| 2         | 16.42   | 16. RĂNG HÀM MẶT  | Chích áp xe lợi   |
| 3         | 16.43   | 16. RĂNG HÀM MẶT  | Lấy cao răng  |
| 4         | 16.57   | 16. RĂNG HÀM MẶT  | Chụp tủy bằng Hydroxit canxi                            |
| 5         | 16.68   | 16. RĂNG HÀM MẶT  | Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite           |
| 6         | 16.7  | 16. RĂNG HÀM MẶT  | Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Glasslonomer Cement |
| 7         | 16.71   | 16. RĂNG HÀM MẶT  | Phục hồi cổ răng bằng Glasslonomer Cement               |
| 8         | 16.72   | 16. RĂNG HÀM MẶT  | Phục hồi cổ răng bằng Composite                         |
| 9         | 16.73   | 16. RĂNG HÀM MẶT  | Phục hồi thân răng có sử dụng pin ngà                   |
| 10        | 16.82   | 16. RĂNG HÀM MẶT  | Tẩy trắng răng tủy sống bằng máng thuốc                 |
| 11        | 16.83   | 16. RĂNG HÀM MẶT  | Điều trị nhạy cảm ngà bằng máng với thuốc chống ê buốt  |
| 12        | 16.84   | 16. RĂNG HÀM MẶT  | Điều trị nhạy cảm ngà bằng thuốc bôi (các loại)         |
| 13        | 16.104  | 16. RĂNG HÀM MẶT  | Chụp nhựa   |
| 14        | 16.105  | 16. RĂNG HÀM MẶT  | Chụp kim loại   |
| 15        | 16.106  | 16. RĂNG HÀM MẶT  | Chụp hợp kim thường cần nhựa                            |
| 16        | 16.107  | 16. RĂNG HÀM MẶT  | Chụp hợp kim thường cần sứ                              |
| 17        | 16.108  | 16. RĂNG HÀM MẶT  | Chụp hợp kim Titanium cần sứ                            |
| 18        | 16.109  | 16. RĂNG HÀM MẶT  | Chụp sứ toàn phần                                       |
| 19        | 16.11   | 16. RĂNG HÀM MẶT  | Chụp kim loại quý cần sứ                                |
| 20        | 16.111  | 16. RĂNG HÀM MẶT  | Chụp sứ Cercon  |
| 21        | 16.112  | 16. RĂNG HÀM MẶT  | Cầu nhựa  |
| 22        | 16.113  | 16. RĂNG HÀM MẶT  | Cầu hợp kim thường                                      |
| 23        | 16.114  | 16. RĂNG HÀM MẶT  | Cầu kim loại cần nhựa                                   |
| 24        | 16.115  | 16. RĂNG HÀM MẶT  | Cầu kim loại cần sứ                                     |
| 25        | 16.116  | 16. RĂNG HÀM MẶT  | Cầu hợp kim Titanium cần sứ                             |

| <b>TT</b> | <b>Mã kỹ thuật theo thông tư 23/2024/TT-BYT</b> | <b>Tên chương</b> | <b>Tên kỹ thuật</b>                                      |
|-----------|---|-------------------|--|
| 26        | 16.117  | 16. RĂNG HÀM MẶT  | Cầu kim loại quý cấy sứ                                  |
| 27        | 16.118  | 16. RĂNG HÀM MẶT  | Cầu sứ toàn phần   |
| 28        | 16.127  | 16. RĂNG HÀM MẶT  | Veneer Composite gián tiếp                               |
| 29        | 16.128  | 16. RĂNG HÀM MẶT  | Veneer sứ toàn phần                                      |
| 30        | 16.129  | 16. RĂNG HÀM MẶT  | Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa thường                |
| 31        | 16.13   | 16. RĂNG HÀM MẶT  | Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa thường               |
| 32        | 16.131  | 16. RĂNG HÀM MẶT  | Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa dẻo                   |
| 33        | 16.132  | 16. RĂNG HÀM MẶT  | Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa dẻo                  |
| 34        | 16.133  | 16. RĂNG HÀM MẶT  | Hàm khung kim loại                                       |
| 35        | 16.136  | 16. RĂNG HÀM MẶT  | Điều trị thói quen nghiến răng bằng máng                 |
| 36        | 16.137  | 16. RĂNG HÀM MẶT  | Tháo cầu răng giả  |
| 37        | 16.138  | 16. RĂNG HÀM MẶT  | Tháo chụp răng giả                                       |
| 38        | 16.139  | 16. RĂNG HÀM MẶT  | Sửa hàm giả gãy  |
| 39        | 16.14   | 16. RĂNG HÀM MẶT  | Thêm răng cho hàm giả tháo lắp                           |
| 40        | 16.141  | 16. RĂNG HÀM MẶT  | Thêm móc cho hàm giả tháo lắp                            |
| 41        | 16.142  | 16. RĂNG HÀM MẶT  | Đệm hàm nhựa thường                                      |
| 42        | 16.203  | 16. RĂNG HÀM MẶT  | Nhỏ răng vĩnh viễn                                       |
| 43        | 16.204  | 16. RĂNG HÀM MẶT  | Nhỏ răng vĩnh viễn lung lay                              |
| 44        | 16.205  | 16. RĂNG HÀM MẶT  | Nhỏ chân răng vĩnh viễn                                  |
| 45        | 16.206  | 16. RĂNG HÀM MẶT  | Nhỏ răng thừa  |
| 46        | 16.213  | 16. RĂNG HÀM MẶT  | Cắt lợi xơ cho răng mọc                                  |
| 47        | 16.214  | 16. RĂNG HÀM MẶT  | Cắt lợi trùm răng khôn hàm dưới                          |
| 48        | 16.221  | 16. RĂNG HÀM MẶT  | Điều trị viêm quanh thân răng cấp                        |
| 49        | 16.222  | 16. RĂNG HÀM MẶT  | Trám bít hố rãnh với Glasslonomer Cement quang trùng hợp |
| 50        | 16.223  | 16. RĂNG HÀM MẶT  | Trám bít hố rãnh với Composite hóa trùng hợp             |
| 51        | 16.224  | 16. RĂNG HÀM MẶT  | Trám bít hố rãnh với Composite quang trùng hợp           |

| <b>TT</b> | <b>Mã kỹ thuật theo thông tư 23/2024/TT-BYT</b> | <b>Tên chương</b> | <b>Tên kỹ thuật</b>   |
|-----------|---|-------------------|---|
| 52        | 16.225  | 16. RĂNG HÀM MẶT  | Trám bít hố rãnh bằng nhựa Sealant                          |
| 53        | 16.226  | 16. RĂNG HÀM MẶT  | Trám bít hố rãnh bằng Glasslonomer Cement                   |
| 54        | 16.227  | 16. RĂNG HÀM MẶT  | Hàn răng không sang chân với Glasslonomer Cement            |
| 55        | 16.228  | 16. RĂNG HÀM MẶT  | Phòng ngừa sâu răng với thuốc bôi bề mặt                    |
| 56        | 16.229  | 16. RĂNG HÀM MẶT  | Dự phòng sâu răng bằng máng có Gel Fluor                    |
| 57        | 16.23   | 16. RĂNG HÀM MẶT  | Điều trị răng sữa viêm tủy có hồi phục                      |
| 58        | 16.231  | 16. RĂNG HÀM MẶT  | Lấy tủy buồng răng sữa                                      |
| 59        | 16.232  | 16. RĂNG HÀM MẶT  | Điều trị tủy răng sữa                                       |
| 60        | 16.233  | 16. RĂNG HÀM MẶT  | Điều trị đóng cuống răng bằng Canxi Hydroxit                |
| 61        | 16.234  | 16. RĂNG HÀM MẶT  | Điều trị đóng cuống răng bằng MTA                           |
| 62        | 16.236  | 16. RĂNG HÀM MẶT  | Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng Glasslonomer Cement |
| 63        | 16.237  | 16. RĂNG HÀM MẶT  | Phục hồi thân răng sữa bằng chụp thép làm sẵn               |
| 64        | 16.238  | 16. RĂNG HÀM MẶT  | Nhỏ răng sữa  |
| 65        | 16.239  | 16. RĂNG HÀM MẶT  | Nhỏ chân răng sữa   |
| 66        | 16.24   | 16. RĂNG HÀM MẶT  | Chích Apxe lợi trẻ em                                       |
| 67        | 16.241  | 16. RĂNG HÀM MẶT  | Điều trị viêm lợi trẻ em (do mảng bám)                      |
| 68        | 16.298  | 16. RĂNG HÀM MẶT  | Cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm                       |
| 69        | 16.3  | 16. RĂNG HÀM MẶT  | Sơ cứu gãy xương vùng hàm mặt                               |
| 70        | 16.301  | 16. RĂNG HÀM MẶT  | Sơ cứu vết thương phần mềm vùng hàm mặt                     |
| 71        | 16.335  | 16. RĂNG HÀM MẶT  | Nắn sai khớp thái dương hàm                                 |
| 72        | 16.34   | 16. RĂNG HÀM MẶT  | Điều trị viêm lợi miệng loét hoại tử cấp                    |

**Tổng số: 72 kỹ thuật**